

Đề thi thử THPTQG năm 2018 - Môn Hóa Học

Sở GD&ĐT Tây Ninh - Lần 1

I. Nhận biết

Câu 1. Polime có công thức $\text{-(CH}_2\text{-CH(CH}_3\text{))}_n\text{-}$ được điều chế bằng cách trùng hợp chất nào sau đây?

- A. Etilen. B. Buta-1,3-đien. C. Propilen. D. Stiren.

Câu 2. Loại tơ nào sau đây thường dùng để dệt vải may quần áo ấm hoặc bện thành sợi "len" đan áo rét?

- A. Tơ lapsan. B. Tơ nitron. C. Tơ nilon-6,6. D. Tơ capron.

Câu 3. Dimetylamin có công thức là

- A. $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$. B. $(\text{CH}_3)_3\text{N}$. C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$. D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{NH}_2$.

Câu 4. Amino axit có phân tử khối nhỏ nhất là

- A. glyxin. B. alanin. C. valin. D. lysin.

Câu 5. Cấu hình electron nào sau đây là của nguyên tử kim loại?

- A. $[\text{Ne}]3s^23p^5$. B. $[\text{Ne}]3s^23p^4$. C. $1s^1$. D. $[\text{Ne}]3s^23p^1$.

Câu 6. Số liên kết peptit trong phân tử Ala-Gly-Ala-Gly là

- A. 1. B. 2. C. 3 D. 4.

Câu 7. Polime X được sinh ra trong quá trình quang hợp của cây xanh. Ở nhiệt độ thường, X tạo với dung dịch iot hợp chất màu xanh tím. Polime X là

- A. xenlulozơ. B. glicogen. C. saccarozơ. D. tinh bột.

Câu 8. Tơ nào sau đây thuộc loại tơ thiên nhiên?

- A. Tơ nilon-6,6. B. Tơ nilon-6. C. Tơ nitron. D. Tơ tằm.

Câu 9. Để tránh lớp tráng bạc lên ruột phích, người ta cho chất X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đun nóng. Chất X là

- A. tinh bột. B. glucozơ. C. saccarozơ. D. etyl axetat.

Câu 10. Quá trình kết hợp nhiều phân tử nhỏ (monome) thành phân tử lớn (polime) đồng thời giải phóng những phân tử nhỏ khác (thí dụ H_2O) được gọi là phản ứng

- A. trùng hợp. B. thủy phân. C. xà phòng hóa. D. trùng ngưng.

Câu 11. Chất nào sau đây thuộc loại amin bậc một?

- A. $(\text{CH}_3)_3\text{N}$. B. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{NHCH}_3$. C. CH_3NHCH_3 . D. CH_3NH_2 .

Câu 12. Kim loại dẫn điện tốt nhất là

- A. Ag. B. Au. C. Al. D. Cu

Câu 13. Cho dãy các ion: Fe^{2+} , Ni^{2+} , Cu^{2+} , Sn^{2+} . Trong cùng điều kiện, ion có tính oxi hóa mạnh nhất trong dãy là

- A. Fe^{2+} . B. Sn^{2+} . C. Cu^{2+} . D. Ni^{2+} .

Câu 14. Đường fructozơ có nhiều trong mật ong, ngoài ra còn có trong các loại hoa quả và rau xanh như: ổi, cam, xoài, rau diếp xoăn, cà chua...rất tốt cho sức khỏe. Công thức của fructozo là

- A. CH_3COOH . B. $\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5$. C. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$. D. $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$.

Câu 15. Công thức của alanin là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$. B. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$.
C. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$. D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.

Câu 16. PVC là chất rắn vô định hình, cách điện tốt, bền với axit, được dùng làm vật liệu cách điện, ống dẫn nước, vải che mưa,...PVC được tổng hợp trực tiếp từ monome nào sau đây?

- A. Acrilonitrin. B. Vinyl clorua. C. Vinyl axetat. D. Propilen.

Câu 17. Chất nào sau đây **không** thủy phân trong môi trường axit?

- A. Xenlulozo. B. Glucozo. C. Saccarozo. D. Tinh bột.

Câu 18. Chất X có cấu tạo $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}_3$. Tên gọi của X là

- A. metyl propionat. B. propyl axetat. C. metyl axetat. D. etyl axetat.

II. Thông hiểu

Câu 19. Muốn chuyển chất béo từ thể lỏng sang thể rắn, người ta tiến hành

- A. đun chất béo với H_2 (xúc tác Ni). B. đun chất béo với dung dịch HNO_3 .
C. đun chất béo với dung dịch H_2SO_4 loãng. D. đun chất béo với dung dịch NaOH.

Câu 20. Este nào sau đây có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$?

- A. Etyl axetat. B. Propyl axetat. C. Vinyl axetat. D. Phenyl axetat.

Câu 21. Cho kim loại M phản ứng với Cl_2 , thu được muối X. Cho M tác dụng với dung dịch HCl, thu được muối Y. Cho Cl_2 tác dụng với dung dịch muối Y, thu được muối X. Kim loại M là

- A. Fe. B. Al. C. Zn. D. Mg.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Tất cả các amin đều làm quỳ tím ẩm chuyển màu xanh.
B. Ở nhiệt độ thường, tất cả các amin đều tan tốt trong nước.
C. Để rửa sạch ống nghiệm có dính anilin, có thể dùng dung dịch HCl.
D. Các amin đều không độc, được sử dụng trong chế biến thực phẩm.

Câu 23. Thuốc thử được dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly với Gly-Ala là

- A. dung dịch NaOH. B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong môi trường kiềm.
C. dung dịch NaCl. D. dung dịch HCl.

Câu 24. Kim loại nào sau đây phản ứng được với dung dịch FeSO_4 và dung dịch HNO_3 đặc, nguội?

- A. Al. B. Cr. C. Cu. D. Mg.

Câu 25. Trong điều kiện thường, X là chất rắn, dạng sợi màu trắng. Phân tử X có cấu trúc mạch không phân nhánh, không xoắn. Thủy phân X trong môi trường axit thu được glucozo. Tên gọi của X là

- A. saccarozo. B. amilopectin. C. xenlulozo. D. fructozo.

Câu 26. Xà phòng hóa hoàn toàn 3,7 gam HCOOC_2H_5 bằng một lượng dung dịch NaOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

- A. 5,2. B. 3,2. C. 4,8. D. 3,4.

Câu 27. Đốt cháy hoàn toàn 0,11 gam este, thu được 0,22 gam CO_2 và 0,09 gam H_2O . Số đồng phân của este là

- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 28. Một miếng kim loại bằng bạc bị bám một lớp kim loại sắt ở bề mặt, ta có thể dùng lượng dư dung dịch nào sau đây để loại bỏ tạp chất ra khỏi tấm kim loại bằng bạc

- A. CuSO_4 . B. ZnSO_4 . C. $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$. D. NiSO_4 .

Câu 29. Hơi thủy ngân rất độc, bởi vậy khi làm vỡ nhiệt kế thủy ngân thì chất bột được dùng để rắc lên thủy ngân rồi gom lại là

- A. vôi sống. B. cát. C. muối ăn. D. lưu huỳnh.

Câu 30. Để phân biệt dung dịch glucozo và fructozo có thể dùng

- A. Na B. dung dịch AgNO_3 trong NH_3 .
C. $\text{Cu}(\text{OH})_2$. D. nước Br_2 .

Câu 31. Xà phòng hóa hoàn toàn 44,2 gam chất béo X bằng lượng dư dung dịch NaOH, thu được glyxerol và 45,6 gam muối. Khối lượng NaOH đã tham gia phản ứng là

- A. 1,4 gam. B. 9,6 gam. C. 6,0 gam. D. 2,0 gam.

Câu 32. Cho dãy các chất: phenyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, tripanmitin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng sinh ra ancol là

A. 5. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 33. Phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Dung dịch saccarozơ phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch màu xanh lam.
- B. Tinh bột có phản ứng tráng bạc.
- C. Xenlulozơ bị thủy phân trong dung dịch kiềm đun nóng.
- D. Glucozơ bị thủy phân trong môi trường axit.

Câu 34. Cho m gam alanin tác dụng với dung dịch chứa 0,2 mol NaOH thu được dung dịch X, để tác dụng hết với các chất trong X cần dùng 0,35 mol HCl. Giá trị của m là

A. 48,95. B. 13,35. C. 17,80. D. 31,15.

III. Vận dụng

Câu 35. Cho các phát biểu sau:

- (a) Polietilen được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng.
- (b) Ở điều kiện thường, anilin là chất rắn.
- (c) Tinh bột và xenlulozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.
- (d) Thủy phân hoàn toàn anbumin của lòng trắng trứng, thu được α -amino axit.
- (e) Ở điều kiện thích hợp, triolein tham gia phản ứng cộng H_2 .
- (f) Isoamyl axetat có mùi thơm của chuối chín.

Số phát biểu đúng là

A. 3. B. 5. C. 4. D. 6.

Câu 36. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Quỳ tím.	Quỳ tím chuyển màu hồng.

Y	Dung dịch iot.	Hợp chất màu xanh tím.
Z	Dung dịch AgNO_3 trong NH_3 đun nóng.	Kết tủa Ag trắng.
T	Nước brom.	Kết tủa trắng.

X, Y, Z, T lần lượt là:

- A. anilin, tinh bột, axit glutamic, glucozơ. B. axit glutamic, tinh bột, anilin, glucozơ.
 C. anilin, axit glutamic, tinh bột, glucozơ. D. axit glutamic, tinh bột, glucozơ, anilin.

Câu 37. Cho 8,30 gam hỗn hợp X gồm Al, Fe (tỉ lệ mol 1:1) vào 100 ml dung dịch Y gồm $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ và AgNO_3 . Sau khi phản ứng kết thúc, thu được chất rắn Z gồm ba kim loại. Hòa tan hoàn toàn Z vào dung dịch HCl dư, thu được 1,12 lít khí (đktc) và còn lại 28,0 gam chất rắn không tan. Nồng độ mol/l của $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ và AgNO_3 trong Y lần lượt là:

- A. 2,0M và 1,0M. B. 1,0M và 2,0M. C. 0,2M và 0,1M. D. 0,1M và 0,2M.

Câu 38. Thủy phân 410,40 gam saccarozơ, thu được m gam hỗn hợp X gồm glucozơ và fructozơ (hiệu suất 80%). Cho m gam hỗn hợp X tác dụng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được a gam Ag. Giá trị của a là

- A. 414,72. B. 437,76. C. 207,36. D. 518,40.

IV. Vận dụng cao

Câu 39. Hỗn hợp E chứa ba peptit đều mạch hở gồm peptit X ($\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_3\text{N}_2$), peptit Y ($\text{C}_7\text{H}_x\text{O}_y\text{N}_z$) và peptit Z ($\text{C}_{11}\text{H}_n\text{O}_m\text{N}_t$). Đun nóng 28,42 gam E với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp T gồm 3 muối của glyxin, alanin và valin. Đốt cháy toàn bộ T cần dùng 1,155 mol O_2 , thu được CO_2 , H_2O , N_2 và 23,32 gam Na_2CO_3 . Phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp E là

- A. 6,97%. B. 13,93%. C. 4,64%. D. 9,29%.

Câu 40. Hỗn hợp X gồm ba este đều mạch hở, trong đó có hai este có cùng số nguyên tử cacbon. Xà phòng hóa hoàn toàn 18,30 gam X với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được hỗn hợp Y gồm hai

ancol đơn chức, kế tiếp trong dãy đồng đẳng và hỗn hợp Z gồm hai muối. Dẫn toàn bộ Y qua bình đựng Na dư, thấy khối lượng bình tăng 9,91 gam. Đốt cháy hoàn toàn Z cần dùng 0,195 mol O₂, thu được Na₂CO₃ và 10,85 gam hỗn hợp gồm CO₂ và H₂O. Phần trăm khối lượng của este có khối lượng phân tử nhỏ nhất trong X là

A. 52,52%.

B. 39,34%.

C. 42,65%.

D. 32,82%.

hoc360.net